

ĐƠN ĐỀ NGHỊ KIỂM HỢP ĐỒNG PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ GHI NỢ CÁ NHÂN 개인 직불카드 이용 및 발급 신청서 겸 계약서

Hợp đồng số/ 계약서 번호.		Mã số khách hàng/ 고객번호	
Ngày hợp đồng/ 계약일	/ /	Mã hồ sơ/ 번호	
Tôi ("Khách hàng") đề nghị Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam ("Woori Bank" hoặc "Ngân hàng") phát hành cho tôi Thẻ ghi nợ cá nhân với các thông tin sau: 본인 ("고객")은 베트남우리은행("우리은행" 또는 "은행")에 개인 직불 카드 발급을 다음과 같이 요청합니다:			
Mục đích sử dụng/ 목적:	☐ Tiêu dùng cá nhân/ 개인 용도	☐ Mục đích khác/ 기타 목적	
Loại thẻ/ 카드 종류:	☐ Thẻ ghi nợ nội địa Woori Napas 우리 나파스 국내 직불 카드	☐ Thẻ ghi nợ quốc tế Woori Visa Debit 우리 비자 국제 직불 카드	
	☐ Thẻ ghi nợ quốc tế Woori Visa Debit Z 우리 비자 국제 직불 Z 카드	☐ Thẻ ghi nợ quốc tế sinh viên 우리 비자 국제 직불 학생증 카드	
	☐ Thẻ khác/ Others:		
Đăng ký dịch vụ tin nhắn tài khoản/ SMS 서비스 등록:	☐ Đăng ký(Ngôn ngữ tin nhắn : ☐ Tiếng Việt 신청 (SMS 언어: ☐ 베트남어 ☐ Tiếng Anh 영어)		
	☐ Không đăng ký 신청 안함		

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN KHÁCH HÀNG ("CHỦ THẺ CHÍNH")/ 고객 개인정보 ("주카드 소지자")

Họ và tên (như trên CC/CCCD/ Hộ chiếu)/ (신분증/ 여권 상의) 성명:			
Họ/ 성	Tên đệm/ 중간이름	Tên/ 이름	
Tên trên thẻ (chữ in hoa, tối đa 22 ký tự, bỏ qua nếu trùng như trên CC/CCCD/ Hộ chiếu): 카드에 표기할 이름 (대문자, 최대 22자, 위 내용과 같을 경우 생략)			
Giới tính/ 성별:	☐ Nam/ 남성	☐ Nữ/ 여성	
Ngày sinh/ 생년월일:	/ /		
Tình trạng cư trú/ 거주 상태:	☐ Cư trú/ 거주자	☐ Không cư trú/ 비거주자	
Quốc tịch/ 국적:			
Quốc tịch khác (Nếu có): 기타 국적 (해당시)			
Mã số thuế/ 개인 세급번호:	☐ Có/ 있음 ()	☐ Không/ 없음	
* Đối với khách hàng Việt Nam/ 베트남인의 경우			
Số CC/ CCCD hiện tại/ 신분증 번호:			
Ngày cấp/ 발행일:	/ /		
Nơi cấp/ 발급처:			
Ngày hết hạn/ 만료일:	/ /		
Số CMND khác (1)/CCCD khác (2)/Hộ chiếu (3) (Nếu có)/ 기타 신분증 (2)/여권 (3) (해당시):			
(1)			
(2)			
(3)			
* Đối với khách hàng nước ngoài/ 외국인의 경우			
Số Hộ chiếu/ 여권번호:			
Số VISA/ 비자번호:			
Ngày VISA hết hạn/ 비자 만료일:			
/ /			
* Thông tin địa chỉ/ 주소 정보			
Địa chỉ thường trú/ 거주등록상 주소:			
Số/ 번지수	Tên đường/ 도로명		
Phường, Xã/ 동	Quận, Huyện/ 구	Tỉnh, Thành phố/ 시	
Địa chỉ hiện tại/ 현거주지 주소:			
(Vui lòng điền thông tin nếu khác với địa chỉ thường trú/ 거주등록상 주소와 상이한 경우 정보를 기입해주시길 바랍니다)			
Số/ 번지수	Tên đường/ 도로명		
Phường, Xã/ 동	Quận, Huyện/ 구	Tỉnh, Thành phố/ 시	
Địa chỉ cư trú tại quốc gia khác (Quốc tịch khác) (Nếu có)/ 해외 거주지 주소 (기타 국적) (해당시)			

* Thông tin chung/ 기본 정보

Tình trạng hôn nhân/ 결혼 여부:		
☐ Đã lập gia đình 기혼	☐ Độc thân 미혼	☐ Khác: 기타
Trình độ học vấn/ 학력:		
☐ Thạc sỹ 석사	☐ Cử nhân 학사	☐ Khác: 기타
Hình thức sở hữu nơi ở hiện tại/ 자택 소유 현황:		
☐ Bản thân sở hữu 자가	☐ Nhà thuê 임대	☐ Khác: 기타
Tài sản sở hữu khác/ 기타 자산		
☐ Xe ô tô 자동차	☐ Xe gắn máy 오토바이	☐ Khác: 기타
Số ĐT bàn/ 전화번호:		
Số ĐTDĐ/ 휴대전화 번호:		
Địa chỉ Email/ 이메일 주소*:		

*Các thông báo của ngân hàng liên quan đến thông tin dịch vụ thẻ sẽ được gửi đến địa chỉ email đăng ký ở trên. Vui lòng kiểm tra hộp thư chính, thư rác (spam) hoặc các mục lọc thư khác trong email/ 은행의 주요 공지사항이나 메일 이용대금명세서는 위 등록된 이메일로 발송됩니다. 이메일의 기본 메일함/ 스팸 메일함/ 그 외 다른 메일함을 확인하여주시길 바랍니다.

☐ Tôi đồng ý rằng Ngân hàng có quyền tự động ghi nợ các khoản nợ phải thanh toán (hay bất kỳ phần thiếu hụt của bất kỳ khoản nợ phải thanh toán đã thỏa thuận trước) liên quan đến Thẻ ghi nợ của tôi (bao gồm Thẻ phụ) từ tài khoản đăng ký hoặc tài khoản mở theo yêu cầu dưới đây vào ngày đến hạn thanh toán mỗi tháng. Nếu ghi nợ tự động không thực hiện được do tài khoản chỉ định của tôi không đủ số dư vào ngày đến hạn, tôi vẫn có trách nhiệm thanh toán thẻ ghi nợ vào ngày đến hạn bằng các hình thức khác.
본인은 은행이 매달 결제일에 등록된 결제 계좌 또는 신규 개설한 계좌에서 직불카드 (부카드 포함)의 지불 금액 (또는 지불할 금액의 부족분)을 자동으로 차감할 권한이 있다는 것에 동의합니다. 본인은 신용카드 결제일에 연결된 계좌 잔액이 부족하여 청구금액을 완납하지 못할 경우, 다른 결제 수단으로 결제 금액을 완납해야 할 책임이 있습니다.

Số tài khoản tại Woori Bank:
우리은행 계좌번호.

☐ Đăng ký mở tài khoản tại Ngân hàng Woori
우리은행에 계좌 개설 신청**

**Trường hợp khách hàng đồng ý mở tài khoản, vui lòng điền thông tin theo mẫu "Đơn đề nghị kiểm tra thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán, tiền gửi có kỳ hạn và dịch vụ ngân hàng" và/hoặc các mẫu đơn liên quan, các mẫu đơn có giá trị pháp lý tương đương được ban hành áp dụng bởi Ngân hàng theo từng thời kỳ.
고객이 계좌 개설에 동의한 경우, "요구불-정기예금계좌개설및계좌은행서비스이용신청서 겸 약정서"양식 또는 은행에서 발행 및 적용하는 동등한 법적 효력을 갖는 양식에 정보를 작성해 주시기 바랍니다.

CHỮ KÝ MẪU CỦA CHỦ THẺ CHÍNH/ 주카드 소지자 서명

Chữ ký thứ nhất 서명1	Chữ ký thứ 2 서명2

